

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2025/HC-PT

Ngày: 27-11-2025

*V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Phạm Tôn

ông Trần Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thành An, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham
gia phiên tòa:** bà Phạm Thị Nguyệt Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối
cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
33/2025/TLPT- TA ngày 01 tháng 10 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 110/2025/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm
2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 11
năm 2025, giữa các đương sự:

1- Người khởi kiện: ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: thôn H, xã E, tỉnh Đắk
Lắk; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: Buôn K, xã E,
tỉnh Đắk Lắk; ĐT 0358.385885; có mặt.

2- Người bị kiện: UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E,
tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tổng Công ty P1 – Công ty cổ phần; Địa chỉ: Số F - F đường N, khu đô thị S, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Văn K – Chức vụ: Giám đốc Công ty T3; địa chỉ: B M, phường T, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 22/08/2024, Tòa án tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” và tuyên xử theo Bản án số 144/2024/HC-ST. Theo đó, Bản án số 144/2024/HC-ST đã tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các hộ gia đình có công trình là bể chứa nước bị ngập tại lòng hồ Công trình thủy điện S, buộc UBND huyện B phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ chi phí xây dựng bể nước của những người khởi kiện theo giá hiện hành theo khối lượng dự toán đã được xác định tại Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 của UBND huyện B.

Ngày 21/01/2025, UBND huyện B ban hành Quyết định số 422/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán chi phí xây dựng bể nước của 06 hộ dân trong khu vực giải tỏa xây dựng công trình lòng hồ T. Theo đó, Quyết định này áp dụng đơn giá nhân công, máy thi công và đơn giá vật liệu xây dựng để đưa ra dự toán làm căn cứ bồi thường là không có cơ sở. Vì bể nước của ông Nguyễn Văn T đã xây dựng, hình thành tài sản trên đất được gọi tên là công trình xây dựng, vật kiến trúc trên đất. Khi bị thu hồi, các tài sản trên được bồi thường theo quy định của pháp luật về việc bồi thường tài sản trên đất khi nhà nước thu hồi đất. Vì vậy, UBND huyện B ban hành quyết định này để tính dự toán chi phí bồi thường là không có cơ sở.

Đến ngày ngày 21/02/2025, UBND huyện tiếp tục ban hành Quyết định số 652/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ chi phí xây dựng bể nước cho các hộ có đất thu hồi dự án Nhà máy T4 theo Bản án số 144/2024/HC-ST ngày 22/08/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn T không đồng ý vì những lý do sau đây:

Thứ nhất, bề nước của ông Nguyễn Văn T phải được bồi thường theo quy định của pháp luật khi nhà nước thu hồi đất chứ không phải hỗ trợ như quan điểm của UBND huyện đưa ra tại Quyết định số 652/QĐ-UBND;

Thứ hai, tại Bản án số 144/2024/HC-ST ngày 22/08/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk buộc UBND huyện B phải ban hành phương án bồi thường, hỗ trợ chi phí xây dựng bề nước của 06 hộ dân, trong đó có ông Nguyễn Văn T giá hiện hành theo khối lượng dự toán đã được xác định tại Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 của huyện B. Tại Quyết định số 652/QĐ-UBND nói trên của UBND huyện B nói trên chỉ hỗ trợ chi phí xây dựng bề nước là không phù hợp vì bề nước của ông Nguyễn Văn T đã bị ngập trong lòng hồ thủy điện. Bề nước đã bị thu hồi tại Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 nhưng chưa được bồi thường. Do đó, UBND huyện B cần có phương án bồi thường tài sản là bề nước do thu hồi đất chứ không phải chỉ là hỗ trợ chi phí xây dựng như nội dung Quyết định số 652/QĐ-UBND của UBND huyện B đã đưa ra.

Ông Nguyễn Văn T đã làm việc với UBND huyện B yêu cầu điều chỉnh nội dung Quyết định số 652/QĐ-UBND theo hướng bồi thường giá trị bề nước, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất nhưng không được UBND huyện B tiếp thu xử lý. Do đó, ông T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết những vấn đề sau: Hủy quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ chi phí xây dựng bề nước cho các hộ dân có đất bị thu hồi dự án nhà máy T4 và buộc UBND huyện B phải lập phương án bồi thường bề nước theo khối lượng dự toán tại điểm a, mục 6, Điều 1 của Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 theo giá của UBND tỉnh Đ tại thời điểm chi trả tiền bồi thường.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Căn cứ Bản án số 144/2024/HC-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Trong đó bản án tuyên xử: Buộc UBND huyện B lập phương án bồi thường, hỗ trợ chi phí xây dựng bề nước của 06 hộ dân khởi kiện gồm bà Huỳnh Thị Kim C, ông Nguyễn Văn T, ông Đỗ Văn T1, ông Đoàn S, bà H Riếp K1 và ông Lê Sỹ T2 trong lòng hồ thủy điện Sêrêpôk 3 theo giá hiện hành và theo khối lượng dự toán đã được xác định tại quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 của UBND huyện B.

Ngày 02/12/2024, UBND huyện ban hành Công văn số 1863/UBND-TNMT về việc thực hiện Bản án số 144/2024/HC-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Nội dung: Giao các đơn vị có liên quan tiến hành xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ và tổ chức thẩm định phương án tham mưu UBND huyện phê duyệt phương án theo quy định.

Về xây dựng giá bồi thường, hỗ trợ:

- Căn cứ Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 và Biên bản xác định hiện trạng do Hội đồng bồi thường tái định cư huyện B lập năm 2010 và 2011 xác định tài sản là các bể nước của 06 hộ dân nêu trên không đảm bảo tiêu chuẩn, định mức, kết cấu trong tiêu chuẩn xây dựng và không có trong bảng giá ban hành kèm theo Quyết định 18/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ.

-Căn cứ điểm a, Khoản 2, Điều 3 Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành Bảng giá xây mới nhà ở, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk quy định đối với các loại tài sản là nhà, công trình xây dựng không có trong bảng giá kèm theo quyết định 18/2023/QĐ-UBND thì “*Chủ đầu tư, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện thẩm định dự toán, xác định giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng tại thời điểm lập phương án bồi thường đồng thời đưa vào phương án bồi thường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ*”.

-Để có cơ sở xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Ngày 10/01/2025, Chủ đầu tư Công ty T3, Khoản 2, Điều 3 Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND đã xây dựng dự toán chi phí xây dựng thực tế các bể nước theo kết cấu, khối lượng và giá theo luật xây dựng hiện hành ban hành và trình phòng Kinh tế - Hạ tầng thẩm định tại Tờ trình số 145/TTr- TĐBK về đề nghị thẩm định dự toán và lập phương án BTHT chi phí xây dựng bể nước của 06 hộ dân trong khu vực giải toả xây dựng công trình lòng hồ thủy điện Srêpôk 3 theo Bản án số 144/2024/HC-ST ngày 22/8/2024 của TAND tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 21/01/2025, căn cứ vào kết quả thẩm định dự toán của phòng Kinh tế - Hạ tầng, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 422/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán chi phí xây dựng bể nước của 06 hộ dân trong khu vực giải toả xây dựng công trình lòng hồ T.

Về xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ:

Căn cứ vào dự toán xây dựng đã được UBND phê duyệt, ngày 11/02/2025, Trung tâm phát triển quỹ đất có Tờ trình số 30/TTr-TTPTQĐ về đề nghị phê duyệt phương án hỗ trợ chi phí xây dựng bể nước cho các hộ dân có đất thu hồi dự án: Nhà máy T4 theo bản án số 144/2024/HC-ST ngày 22/8/2024 của TAND tỉnh Đắk Lắk (kèm theo Phương án số 01/PA-TTPTQĐ ngày 11/02/2025)

Ngày 12/02/2025, Phòng T5 huyện tổ chức họp thẩm định Phương án trên. Trong đó: số liệu về khối lượng các bể nước căn cứ theo Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 của UBND huyện B; đối với giá bồi thường, hỗ trợ chí

phí xây dựng bể nước căn cứ Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của UBND huyện B.

Ngày 13/02/2025, trên cơ sở nội dung yêu cầu tại cuộc họp ngày 12/02/2025 UBND xã E có Báo cáo số 26/BC-UBND về xử lý trật tự xây dựng trên khu vực hồ T về tài sản trên đất đối với 06 hộ dân được bồi thường tại Phương án số 01/PA-TTPTQĐ ngày 11/02/2025.

Tại thời điểm ban hành Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011, theo quy định tại Khoản 2, điều 10, Thông tư 14/2009: *“Nhà, công trình khác không được phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng xây dựng trên đất có đủ điều kiện được bồi thường về đất và xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 thì được bồi thường theo quy định tại Điều 24 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP; nếu xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 trở về sau, xây dựng không đúng với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật thì không được bồi thường. Trong trường hợp đặc biệt, ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hỗ trợ từng trường hợp cụ thể cho phù hợp với thực tế tại địa phương”*, bể nước của gia đình ông Nguyễn Văn T xây dựng vào năm 2010, thể tích 81m³ thuộc trường hợp không đủ điều kiện bồi thường. Trường hợp bồi thường, cần xin ý kiến UBND tỉnh xem xét hỗ trợ đảm bảo phù hợp với thực tế tại địa phương.

Tại Bản án số 144/2024/HC-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk căn cứ Luật đất đai 2013 để tuyên xử. Đối với các loại tài sản không đủ điều kiện bồi thường căn cứ điểm a, Khoản 4, Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ về ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn quy định cụ thể: *“Nhà, tài sản vật kiến trúc xây dựng gắn liền với đất đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 100% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới”*; Căn cứ Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 08/12/2010 của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Thủy điện Srêpôk 3 xác định bể nước của ông Nguyễn Văn T được xây dựng vào năm 2010. Tổ thẩm định thống nhất xem xét bồi thường, hỗ trợ bằng 60% dự toán chi phí xây dựng là đảm bảo theo quy định.

Ngày 18/02/2025, Phòng T5 có Tờ trình số 38/TTr- TNMT về việc phê duyệt Phương án hỗ trợ chi phí xây dựng bể nước cho các hộ dân có đất thu hồi dự án: Nhà máy T4 theo Bản án số 144/2024/HC-ST ngày 22/8/2024 của TAND tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 21/02/2025, UBND huyện Ban hành Quyết định phê duyệt Phương án hỗ trợ chi phí xây dựng bể nước cho các hộ dân có đất thu hồi dự án: Nhà máy

T4 theo như Bản án số 144/2024/HC-ST ngày 22/8/2024 của TAND tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, UBND huyện ban hành các Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 căn cứ theo các quy định của pháp luật là đúng trình tự thủ tục theo quy định. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty P2 trình bày:

Dự toán chi phí xây dựng các bể nước đã được phê duyệt tại Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của UBND huyện B. Theo đó, Trung tâm P triển Quỹ đất huyện B đã xây dựng Phương án hỗ trợ chi phí xây dựng bể nước cho các hộ dân theo các quy định pháp luật và được UBND huyện B phê duyệt tại Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/02/2025. Tiền BTHT đã được Công ty chuyển đến Trung tâm PTQĐ huyện vào ngày 11/3/2025 để chi trả cho các hộ dân liên quan, nhưng các hộ dân không thống nhất giá trị bồi thường nên không nhận. Công ty T3 nhận thấy hồ sơ dự toán chi phí xây dựng bể nước và phương án BTHT cho các hộ dân đã được thực hiện theo đúng quyết định của Bản án số 144/2024/HC-ST và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, Công ty cho rằng người dân không đồng ý với phương án hỗ trợ chi phí xây dựng bể nước (hệ số hỗ trợ trong phương án BTHT đã được phê duyệt là 60% giá trị dự toán chi phí xây dựng bể nước), nên đã khởi kiện để yêu cầu hủy các quyết định hành chính nêu trên. Vấn đề này nằm ngoài thẩm quyền xem xét của Công ty. Vì vậy, Công ty T3 kính đề nghị quý Tòa xem xét, giải quyết các vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 110/2025/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

“Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 118 khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính;

Áp dụng Điều 65, 66, 82, 83, 84 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ- UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ

Áp dụng Khoản 2, Điều 3 Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành Bảng giá xây mới nhà ở, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Bản án hành chính sơ thẩm số 144/2024/HC-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với các nội dung sau:

- Hủy quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ chi phí xây dựng bể nước cho các hộ dân có đất bị thu hồi dự án nhà máy T4;

- Buộc UBND huyện B phải lập phương án bồi thường bể nước theo khối lượng dự toán tại điểm a, mục 6, Điều 1 của Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 theo giá của UBND tỉnh Đ tại thời điểm chi trả tiền bồi thường.”

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 12/8/2025, ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên đơn kháng cáo, trình bày ý kiến cho rằng gia đình ông đã chi phí rất nhiều để xây bể nước có thể tích 81m³, nay chỉ được hỗ trợ 60% là không phù hợp, phía Thủy Điện sẵn sàng bồi thường 100% nhưng chính quyền không đồng ý; đề nghị xem xét để nhằm giảm bớt thiệt hại cho gia đình.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kháng cáo thì thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các quy định pháp luật để quyết định là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Thấy đây là phiên tòa được mở lần 2 và người khởi kiện đồng thời là người kháng cáo có mặt; người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án hỗ trợ chi phí xây dựng bể nước cho các hộ dân có đất bị thu hồi dự án nhà máy T4.

Tại Bản án số 144/2024/HC-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: “*Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim C, ông Nguyễn Văn T, ông Đỗ Văn T1, ông Đoàn S, bà H Riếp K1 và ông Lê Sỹ T2: Buộc UBND huyện B phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ chi phí xây dựng bể nước của 06 người khởi kiện bà Huỳnh Thị Kim C, ông Nguyễn Văn T, ông Đỗ Văn T1, ông Đoàn S, bà H Riếp K1 và ông Lê Sỹ T2 trong lòng hồ thủy điện Serêpôk 3 theo giá hiện hành theo khối lượng dự toán đã được xác định tại Quyết định 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 của UBND huyện B*”.

Tại Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 và Biên bản xác định hiện trạng do Hội đồng bồi thường tái định cư huyện B lập năm 2010 và 2011 xác định tài sản là các bể nước của ông Nguyễn Văn T không đảm bảo tiêu chuẩn, định mức, kết cấu trong tiêu chuẩn xây dựng và không có trong bảng giá ban hành kèm theo Quyết định 18/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ. Căn cứ khoản 2 Điều 10 Thông tư 14/2009 quy định: “*Nhà, công trình khác không được phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng xây dựng trên đất có đủ điều kiện được bồi thường về đất và xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 thì được bồi thường theo quy định tại Điều 24 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP; nếu xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 trở về sau, xây dựng không đúng với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật thì không được bồi thường*”. Do đó, bể nước của gia đình ông Nguyễn Văn T xây dựng vào năm 2010, thể tích 81m³ thuộc trường hợp không đủ điều kiện bồi thường nên chỉ đủ điều kiện được hỗ trợ.

Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 20 của Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ về ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn quy định cụ thể: “*Nhà, tài sản vật kiến trúc xây dựng gắn liền với đất đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 100% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30%) đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới*”. Căn cứ Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 08/12/2010 của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Thủy điện Srêpôk 3 xác định bể nước của ông Nguyễn Văn T được xây dựng vào năm 2010. Do đó, Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 phê duyệt phương án hỗ trợ chi phí xây dựng bể nước cho hộ ông Nguyễn Văn T đã áp giá (Phương án số 01/PA-TTPTQĐ ngày 11/02/2025 của Trung tâm phát triển quỹ đất), tính toán hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn T chi phí xây dựng bể nước bằng 60% đơn giá (60.703.000đ) theo Quyết định

số 422/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của UBND huyện, tương đương số tiền 36.421.800 đồng là đúng quy định.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đề nghị hủy Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án hỗ trợ chi phí xây dựng bể nước cho hộ dân có đất bị thu hồi dự án nhà máy T4, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Do yêu cầu huỷ Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 của UBND huyện B là không có căn cứ, nên yêu cầu khởi kiện “*Buộc UBND huyện B phải lập phương án bồi thường bể nước theo khối lượng dự toán tại điểm a, mục 6, Điều 1 của Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 theo giá của UBND tỉnh Đ tại thời điểm chi trả tiền bồi thường*” cũng không có cơ sở để chấp nhận.

Về ý kiến của người kháng cáo cho rằng Công ty T3 đồng ý hỗ trợ 100%; tuy nhiên tại Văn bản số 2950/TĐBK-HCLĐ ngày 22-10-2025 của Thủy Điện xác định chỉ thực hiện theo các quyết định của Cơ quan nhà nước, đề nghị giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy kháng cáo của ông Nguyễn Văn T với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 110/2025/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 34, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Long